

KIẾN THỨC BẢN ĐỊA TRONG QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CÂY MÂY NƯỚC CỦA NGƯỜI DÂN TÀ ÔI Ở HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Văn Lợi, Hồ Thanh Hà, Dương Văn Thành,
Hồ Đăng Nguyên, Hoàng Văn Dương
Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Liên hệ email: nguyenvanloi@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

A Lưới là huyện miền núi nằm ở phía Tây của tỉnh Thừa Thiên Huế, là nơi phân bố tự nhiên của hai loài mây nước (mỡ và ghé), thuộc nhóm cây lâm sản ngoài gỗ, có giá trị nhất và được sử dụng rộng rãi ở miền Trung Việt Nam và vùng nhiệt đới châu Á. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm bổ sung thêm kiến thức bản địa của người dân Tà Ôi trong quản lý và phát triển rừng mây nước nhằm bảo tồn và phát huy kiến thức bản địa của người dân địa phương góp phần quản lý rừng mây bền vững. Nghiên cứu đã áp dụng phương pháp PRA kết hợp với đánh giá các mô hình trồng mây trên thực địa. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều người Tà Ôi có nhiều kinh nghiệm trong việc nhận biết đặc điểm hình thái, phân bố, cách thức khai thác các loài mây nước và một số kinh nghiệm về gây trồng và chọn cây mây mẹ lấy hạt giống phù hợp với điều kiện tự nhiên ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Từ khóa: A Lưới, kiến thức bản địa, mây nước, người Tà Ôi, quản lý.

Nhận bài: 04/07/2018

Hoàn thành phản biện: 12/09/2018

Chấp nhận bài: 30/09/2018

1. MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, kiến thức bản địa của người Tà Ôi trong quản lý và bảo tồn các loài cây lâm sản ngoài gỗ, trong đó có các loài mây ngày càng được các cơ quan chức năng cũng như các nhà khoa học quan tâm. Theo Luise, Hoàng Xuân Tý và Lê Trọng Cúc (1998), kiến thức bản địa là hệ thống kiến thức của các dân tộc bản địa tồn tại và phát triển trong từng điều kiện cụ thể với sự đóng góp của mọi các thành viên trong cộng đồng ở một vùng địa lý. Kiến thức bản địa có vai trò rất quan trọng, gắn liền với cuộc sống và sinh hoạt của người dân tộc thiểu số. Phần lớn người dân tộc thiểu số sống gần rừng và phụ thuộc vào rừng, nên họ có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Cộng đồng người Tà Ôi ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế từ bao đời nay đã có cuộc sống gắn với khai thác và sử dụng mây dưới tán rừng tự nhiên. Mây là nguồn thu nhập sau cây gỗ của cộng đồng dân tộc Tà Ôi. Trong số các loài mây có mặt dưới tán rừng tự nhiên ở huyện A Lưới, có hai loài mây nước, đó là mây nước mỡ (*Daemonorops poilanei* J.Dransf.) và mây nước ghé (*D.jenkinsiana* (Griff.) Mart.) có giá trị kinh tế và bảo tồn cao, đã và đang được người dân địa phương quan tâm khai thác để tăng thêm nguồn thu nhập (Nguyễn Văn Lợi và cs., 2013). Bởi vậy, hệ thống kiến thức bản địa trong quản lý và sử dụng mây đóng một vai trò quan trọng không những là một nguồn động lực quý giá cho sự phát triển sản xuất mà còn góp phần duy trì bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Thực tế cho thấy kiến thức bản địa trong quản lý và sử dụng mây kết hợp với các kiến thức khoa học hiện tại là cơ sở quan trọng cho việc lựa chọn các mô hình phát triển mây bền vững dưới tán rừng tự nhiên. Để có kế hoạch quản lý và phát triển bền vững quần thể mây dưới tán rừng tự nhiên trên địa bàn huyện A Lưới thì duy trì và bảo tồn kiến thức bản địa của người dân địa phương

trong quản lý sử dụng lâm sản ngoài gỗ, trong đó có các loài mây nước cần được quan tâm đúng mức và nhu cầu nghiên cứu kiến thức bản địa của người Tà Ôi trong quản lý và sử dụng các loài mây là rất cấp thiết nhằm cung cấp thông tin làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững các loài mây nước dưới tán rừng tự nhiên để nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó có người Tà Ôi ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Phương pháp kế thừa: Nghiên cứu đã kế thừa có chọn lọc các tài liệu, công trình nghiên cứu có liên quan về người Tà Ôi.

- Phương pháp điều tra phỏng vấn: Sử dụng phương pháp đánh nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (PRA), phỏng vấn 30 người ở xã A Roàng và Hương Lâm, mỗi xã gồm có 15 người ở độ tuổi từ 25 - 45, trong đó đảm bảo đầy đủ thành phần về giới tính, người dân hay đi khai thác mây, thu hái hạt giống mây và tham gia trồng mây dưới tán rừng tự nhiên.

- Điều tra đánh giá các biện pháp kỹ thuật trồng mây nước dưới tán rừng tự nhiên ở xã A Roàng và Hương Lâm.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Phân tích, tổng hợp số liệu điều tra và phỏng vấn. Các thông tin định lượng và định tính được tổng hợp và mô tả thông qua các bảng biểu, phân tích so sánh, đối chứng để thấy được kiến thức bản địa của người dân Tà Ôi trong quản lý và sử dụng các loài mây nước dưới tán rừng tự nhiên.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kiến thức bản địa về nhận biết đặc điểm hình thái và phân bố mây nước



Hình 1. Cây con (mây nước mỡ)



Hình 2. Cây con (mây nước ghé)

Do cuộc sống gắn liền với rừng, người Tà Ôi có rất nhiều kinh nghiệm trong nhận biết các đặc điểm sinh thái và phân bố các loài mây nước. 100 % người được phỏng vấn đều khẳng định rằng mây nước hiện mọc dưới tán rừng tự nhiên ở huyện A Lưới chỉ có hai loại đó là mây nước mỡ và mây nước ghé, mà người dân thường hay gọi là mây nước gai vàng và mây nước gai đen (Bảng1). Một trong những đặc điểm chung của hai loài mây này là chỉ mọc ở những địa điểm ẩm, rừng đã bị tác động hoặc những khu rừng thưa, dọc ven các con suối. Tuy nhiên, hai loài mây này có sự khác nhau về hình thái thân, lá, quả và phạm vi phân bố mây nước gai đen phân bố rộng hơn mây nước gai vàng. Cây mọc theo bụi/cụm, số lượng

cây trong một bụi và khoảng cách giữa các bụi là không đồng đều, tùy thuộc địa điểm, tán rừng che phủ và mức độ khai thác của người dân địa phương.

Bảng 1. Nhận biết về đặc điểm sinh thái và phân bố các loài mây nước

Tên các loài mây nước	Đặc điểm hình thái	Đặc điểm phân bố
Mây nước mỡ (<i>Daemonorops poilanei</i> J.Dransf.)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thái thân và lá: + Cây non có lá nhỏ/ lá chét ngắn và to hơn mây nước nghé, những lá non mới xòe có màu nâu đỏ + Thân mọc theo bụi/cụm, thường dài hơn mây nước nghé, có thể tới 20-25 mét, đường kính thường nhỏ hơn mây nước nghé, có gai màu nâu, hình tam giác. Mỗi bụi có khoảng 20-30 cây, thậm chí có bụi đến 50 cây, bụi ít có từ 5-10 cây. - Độ dài của lóng: 20-25 cm - Hình thái quả: Quả có hình dạng và kích thước giống như quả nhãn, mọc thành từng chùm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ mọc dưới tán rừng tự nhiên thuộc loại rừng thưa/rừng nghèo, rừng non/phục hồi và rừng tre nứa (không có cây gỗ lớn) có tán che phủ khoảng 10 đến 70 %. Một số rừng chuối cũng thấy xuất hiện cây mây nước mỡ. - Mọc ở những khu rừng thấp, đất ẩm ướt. Thông thường mọc cách hai bên suối trong phạm vi khoảng 500 m, càng lên cao càng ít dần. Mây nước mỡ phân bố ở độ cao thấp hơn mây nước nghé. - Nơi đất bằng phẳng thì mật độ phân bố nhiều hơn nơi đất dốc. Rất hiếm khi thấy mây nước mỡ mọc trên sườn đồi dốc (≥ 30 độ)
Mây nước nghé { <i>D.jenkinsiana</i> (Griff.) Mart.}	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thái thân và lá: + Cây non có lá chét dài và nhỏ hơn mây nước mỡ, những lá non mới xòe có màu xanh nhạt. + Thân mọc theo bụi/cụm, leo dựa vào thân cây gỗ, thân ngắn hơn mây nước mỡ, có thể đạt tới 15-20 mét, nhưng có đường kính thường lớn hơn mây nước mỡ (khi thân mây chuyển từ màu vàng nhẹ sang màu xanh đậm có đường kính gốc khoảng 1,2-1,5 cm), có gai màu đen. Tương tự như mây nước mỡ, mỗi bụi mây nước có khoảng 20-30 cây, thậm chí có bụi đến 50 cây, bụi ít cũng có 5-10 cây. - Độ dài của lóng: 25-30 cm - Hình thái quả: Quả có hình dạng và kích thước giống như quả nhãn, nhưng có kích thước lớn hơn mây nước mỡ. 	<ul style="list-style-type: none"> Tương tự như mây nước mỡ: - Chỉ thấy xuất hiện ở dưới tán rừng tự nhiên thuộc loại rừng thưa/ rừng nghèo, rừng non/ phục hồi và rừng tre nứa (không có cây gỗ lớn) có tán che phủ khoảng 10 đến 70 %. Một số rừng chuối cũng thấy xuất hiện cây mây nước nghé. - Mọc ở những khu rừng thấp, đất ẩm ướt. Thông thường mọc cách hai bên suối, trong phạm vi khoảng 500 m, càng lên cao càng ít dần. - Nơi đất bằng phẳng thì mật độ phân bố nhiều hơn nơi đất dốc. - Mây nước nghé phân bố ở độ cao và đất dốc hơn mây nước mỡ



Hình 3. Bụi mây nước mỡ ở xã Hồng Hạ



Hình 4. Bụi mây nước nghé ở xã Hương Phong

3.2. Kiến thức bản địa về đặc điểm sinh trưởng và tái sinh của mây nước

Qua điều tra phỏng vấn, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng không phải bất cứ ai trong cộng đồng người Tà Ôi cũng biết đặc điểm sinh trưởng và tái sinh của các loài mây nước. Chỉ một số người dân khai thác mây lâu năm mới biết rất rõ giai đoạn sinh trưởng và phát triển của từng loài mây nước hiện có ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người dân cho biết mây nước mỡ và mây nước ghé đều có đặc điểm chung là loài cây ưa ẩm, ở giai đoạn còn non ưa bóng, khi cây trưởng thành ưa sáng, rất hiếm khi tìm thấy hai loài cây này mọc ở trong rừng tự nhiên có độ tàn che cao và trên giồng và đỉnh núi. Sinh trưởng và tái sinh của hai loài mây nước này phụ thuộc thảm thực vật che phủ, địa hình, độ ẩm của đất và chiều dài của thân mây. Nơi đất ẩm mây có kích thước đường kính lớn hơn. Người dân Tà Ôi cho rằng có thể nhận dạng hình thái mây trên thực địa thông qua sự thay đổi màu sắc trên các lóng và số lá trên thân mây để xác định được độ tuổi và lượng tăng trưởng tương ứng cho từng năm. Mây nước sinh trưởng chậm về chiều cao ở giai đoạn còn non và lượng tăng trưởng nhanh được ghi nhận ở giai đoạn mây có chiều dài từ 2 m trở lên, ở thời điểm sinh trưởng nhanh, sau một năm mây nước có thể ra từ 3 đến 6 lá. Thời gian sinh trưởng về chiều cao kéo dài từ cuối tháng 3 đến tháng 10 hàng năm.

Sau 5 đến 6 năm, mây nước có khả năng tái sinh. Mùa ra hoa và kết quả của mây nước ghé vào tháng 3 - 4, mùa ra quả vào tháng 6 - 7 và mùa quả chín vào 9 - 10. Mùa ra hoa và kết quả của mây nước mỡ thường chậm hơn một tháng. Cùng thời điểm ra hoa và kết quả, nơi nào có ánh sáng nhiều hơn thì quả nhanh chín hơn. Vì vậy, cần chú ý hiện tượng quả chín khác nhau để có thời gian thu hái thích hợp. Đồng thời, đây cũng là cơ sở khoa học rất quan trọng trong công tác quản lý cây mẹ để tạo ra giống có chất lượng tốt, cung cấp cây tái sinh/cây con thay thế cho các cây trưởng thành đã bị khai thác.

Bảng 2. Lịch mùa sinh trưởng và phát triển của các loài mây nước

Loại mây	Giai đoạn sinh trưởng và phát triển	Tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mây nước mỡ	Ra hoa				X	X							
	Hình thành quả non							X	X				
	Quả chín										X	X	
	Sinh trưởng về chiều cao			X	X	X	X	X	X	X	X		
Mây nước ghé	Ra hoa			X	X								
	Hình thành quả non						X	X					
	Quả chín									X	X		
	Sinh trưởng về chiều cao			X	X	X	X	X	X	X			

3.3. Kiến thức bản địa về quản lý và khai thác rừng mây nước

Lâm sản ngoài gỗ, trong đó có song mây chiếm một vị trí quan trọng trong cơ cấu thu nhập của người dân sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng. Ước tính nguồn thu nhập trong việc khai thác mây chiếm tỉ trọng tương đối cao trong tổng thu nhập của người dân sống phụ thuộc vào rừng, chiếm khoảng từ 15 đến 20%, con số này nói lên mức độ quan trọng trong việc khai thác mây của người Tà Ôi ở huyện A Lưới. Qua kết quả điều tra cho thấy người Tà Ôi ở huyện A Lưới cũng có rất nhiều kinh nghiệm trong việc xác định thời điểm khai thác mây nước hợp lý. Người dân khai thác theo kiểu tia thưa, chọn lọc những cây có giá trị thương mại để khai thác trước theo chu kỳ luân chuyển khai thác hết vùng này mới chuyển

sang vùng khác, đồng thời cũng có nhận thức bảo vệ cây con để cho cây sinh trưởng và phát triển tiếp cho các đợt khai thác tiếp theo. Họ cũng cho rằng thời gian khai thác mây là tùy thuộc vào người thu mua, thường tập trung từ tháng 3 đến tháng 9 và rải rác vào tháng 11 và 12 hàng năm. Theo quan điểm của họ thì thích hợp nhất là vào tháng 6 và tháng 7 hàng năm vì thời gian này thuận tiện cho việc đi rừng, cây đang ra hoa và kết quả nên dễ nhận biết, giữ lại cây mẹ gieo giống, không khai thác để cung cấp cây non sau này. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp, vì mục đích kinh tế nên khi tiến hành khai thác họ chặt hết bụi, thậm chí khai thác cả những cây mây chưa đủ kích thước. Điều này đã làm cho nguồn tài nguyên mây ở huyện A Lưới đang có nguy cơ suy giảm nghiêm trọng về trữ lượng. Vì vậy, cần phải có các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên mây này trong tương lai.

Bảng 3. Kiến thức bản địa về khai thác và sử dụng

Nhận diện thời điểm khai thác mây	Thời vụ và kỹ thuật khai thác mây
	-Tập trung vào tháng 3 đến tháng 9 và rải rác vào tháng 11-12
Thân mây chuyển từ màu vàng nhẹ sang màu xanh đậm, gai chuyển sang màu đen, lớp lá bẹ ở gốc khô và rụng gần hết, cây đã có cả hoa và quả, cây có độ dài khai thác tùy thuộc vào người thu mua	-Khoanh vùng khai thác, khai thác hết vùng này mới chuyển sang vùng khác. -Cắt những thân đã trưởng thành cách đất khoảng 10-20 cm, trong một số trường hợp họ khai thác cả mây non (chiều dài dưới 2,5 m). -Dỡ cành đã chặt ra bằng cách cầm phần dưới cành đã chặt và kéo ra khỏi bụi (kéo về phía gốc). -Róc vỏ mây dần từ dưới gốc lên sau đó kéo ra.

3.3. Kiến thức bản địa về gây trồng các loài mây nước

3.3.1. Kiến thức bản địa về thu hái và xử lý hạt giống mây nước

Qua điều tra, phỏng vấn người dân tham gia trực tiếp thu hái hạt mây, các chủ vườn ươm, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng, người Tà Ôi không có kinh nghiệm trong sản xuất cây giống mà chỉ có kinh nghiệm trong việc xác định thời điểm quả chín, đây cũng là thời điểm tốt nhất để thu hái lấy hạt giống (Bảng 4). Như đã được đề cập ở trên, họ khẳng định rằng các loại mây nước hiện nay mọc dưới tán rừng tự nhiên chỉ có hai loại, đó là mây nước mỡ và mây nước ghé, mà người dân thường hay gọi là mây nước gai vàng và mây nước gai đen. Một trong những đặc điểm chung của hai loài mây này là khi chín màu vỏ quả chuyển từ màu xanh sang màu nâu vàng và hạt chuyển từ màu trắng sang màu nâu đen.

Bảng 4. Đặc điểm nhận biết thời gian thu hái hạt giống mây

Nhận diện thời điểm thu hái hạt mây	Thời vụ và kỹ thuật khai thác mây
-Quả mây nước ghé có kích thước lớn hơn quả mây nước mỡ	-Mùa quả mây nước ghé chín rộ cuối tháng 9 và đầu tháng 10 hàng năm.
-Khi chín màu vỏ quả chuyển từ màu xanh sang màu nâu vàng. Vỏ quả căng mọng, dùng răng cắn vỏ thấy hạt có màu đen, vỏ hạt có mùi thơm, vị ngọt.	-Mùa quả mây nước ghé chín rộ cuối tháng 10 và đầu tháng 11 hàng năm. -Nơi nào có ánh sáng nhiều hơn thì quả nhanh chín đồng đều hơn. -Dùng liềm có cán nổi dài hoặc dao để cắt cả chùm quả mây trên những bụi mây gai đen và gai vàng

* Về nguồn giống:

Người dân Tà Ôi cho rằng nguồn hạt giống tốt nhất được thu hái ở ven suối từ rừng tự nhiên, từ những cây trưởng thành, sinh trưởng tốt nhất trong bụi. Cây trưởng thành là

những cây phần gốc đã để lộ thân ra bên ngoài, sinh trưởng tốt là cây không bị sâu bệnh, cho số lượng quả nhiều, kích thước hạt lớn sẽ cho tỷ lệ nảy mầm cao.



Hình 5 (A + B). Quả mây nước nghé (T10/2017) tại Khu bảo tồn Saola Huế



Hình 6 (A + B). Hạt mây nước nghé và cây mầm mây nước mỡ

*** Về thu hái và chế biến quả:**

Thu hái quả khi quả chuyển từ xanh đậm hoặc xám nâu sang màu vàng hoặc nâu đậm, vỏ quả căng mọng. Thu hái khi có 2/3 số quả trên một chùm chín đều thì dùng tay hay dao hoặc liềm vặt từng quả hoặc cắt cả chùm quả. Quả thu hái về được đem bán cho các chủ vườn ươm người Kinh (ông Giáo và ông Minh ở xã Hương Lâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế). Theo các chủ vườn ươm, quả mây thu hái về không gieo ươm ngay mà ủ một vài ngày cho đến khi quả chín đều, thời gian ủ mất khoảng 3 đến 7 ngày tùy theo độ chín đều của chùm quả thu hái, sau đó vặt từng quả, loại bỏ những hạt sâu, hạt kém chất lượng. Quả ngâm trong nước lạnh 24 giờ rồi đem đãi sạch vỏ, cùi và hạt lép. Hạt được đem hong khô trong bóng râm từ 1 đến 2 ngày.

*** Bảo quản và xử lý hạt giống:**

Bảo quản trong cát ẩm tỷ lệ 1 kg hạt + 3 kg cát. Hạt bảo quản được đánh thành từng luống, không để hạt bị chiếu nắng. Hàng tuần kiểm tra, đảo hạt và nếu cát bị khô phải tưới thêm nước, sau thời gian 2-3 tháng hạt nảy mầm thì đem cấy vào túi bầu.

3.3.2. Kiến thức bản địa về trồng mây

Kết quả điều tra, phỏng vấn người dân Tà Ôi cho thấy trước khi có các chương trình dự án trồng mây, hầu hết người Tà Ôi ở huyện A Lưới ít chú ý/có rất ít kinh nghiệm trong việc trồng mây dưới tán rừng tự nhiên. Nghề trồng mây nước mới được bắt đầu từ năm 2011 dưới sự hỗ trợ của các chương trình dự án, đặc biệt là dự án CarBi, dự án BCC và chương trình 147. Thông qua các chương trình dự án này một số người tham gia ít nhiều họ cũng có một số kinh nghiệm về trồng mây. Họ cho rằng việc đưa giống mây nước có nguồn gốc từ nơi khác đến trồng ở huyện A Lưới và trồng dưới tán rừng che phủ cao là không phù hợp, người dân cũng ít quan tâm đến các biện pháp kỹ thuật mà thường tập trung vào việc chú ý trồng đúng thời vụ, chọn giống tốt và trồng mây nước cho phù hợp với thảm thực vật che phủ. Những giống mây nước lấy tại địa phương trồng trên địa điểm có thảm thực vật che phủ khoảng 30-50 % trên những địa điểm đất ẩm sinh trưởng nhanh hơn những địa điểm còn lại. Vì vậy, đối với người Tà Ôi, kinh nghiệm chọn giống, thời điểm trồng và địa điểm trồng mây là rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công đến trồng mây dưới tán rừng tự nhiên.

* Về cây giống:

Ưu tiên chọn giống mây hiện đang phân bố ở địa phương (giống mây nước địa phương: Mây nước mỡ và mây nước nghé).

* Về thời điểm trồng:

Thời điểm trồng mây thích hợp là sau khi trời mưa, thời gian trồng tốt nhất là hai lần trong năm từ tháng 9 đến tháng 10 và từ tháng 3 đến tháng 4.

* Về chọn đất trồng:

Ưu tiên chọn địa điểm ẩm ướt, rừng thưa và trước đây là vùng phân bố của các loài mây nước.

Từ thực tiễn như trên, kinh nghiệm về trồng mây của người dân địa phương là một kinh nghiệm đáng quý cần được duy trì và phát huy. Đồng thời, việc phổ biến kinh nghiệm kết hợp với kiến thức tiên tiến là hết sức cần thiết, cần được chú ý khi thực hiện các mô hình trồng mây nước dưới tán rừng tự nhiên.

4. KẾT LUẬN

Người Tà Ôi có nhiều kinh nghiệm và kiến thức trong việc phân biệt được sự khác nhau về đặc điểm hình thái, phân bố và sinh trưởng của hai loài mây nước. Họ cũng có một kiến thức và kinh nghiệm trong khai thác và gây trồng các loài mây nước dưới tán rừng tự nhiên. Đây là những kiến thức bản địa có giá trị, cần được duy trì, phát huy và kết hợp với kiến thức khoa học tiên tiến để phát triển các mô hình trồng mây dưới tán rừng tự nhiên có hiệu quả, góp phần nâng cao nguồn thu nhập cho người dân địa phương. Tuy nhiên, một số hoạt động khai thác mây vẫn còn thiếu tính bền vững.

Kinh nghiệm của người Tà Ôi về chọn giống và địa điểm trồng mây nước dưới tán rừng tự nhiên phù hợp với điều kiện tự nhiên ở huyện A Lưới. Tuy nhiên, việc thâm canh các mô hình trồng mây dưới tán rừng chưa thực sự được người dân quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

Lê Trọng Cúc, Hoàng Xuân Tý. (1998). *Mối quan hệ giữ kiến thức bản địa, văn hóa và môi trường ở vùng núi Việt Nam* - Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Hà Nội: NXB Nông nghiệp, 211-220.

Nguyễn Văn Lợi, Văn Thị Yến, Đặng Ngọc Quốc Hưng và Phạm Hồng Thái. (2013). Thực trạng trữ lượng các loài mây dưới tán rừng tự nhiên và vai trò của các bên liên quan đến quản lý tài nguyên rừng mây ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí rừng và môi trường*, 60, 17-21.

Nguyễn Văn Lợi và Nguyễn Vũ Linh. (2013). Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu nguy cơ trong thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích song mây tại VQG Bạch Mã ở xã Thượng Nhật, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí khoa học Lâm nghiệp*, 1, 2670-2679.

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

Luise, G. (1999). *Methods of Indigenous Knowledge Research*. Report Project: "Assessment of indigenous Technical Knowledge of Ethnic Minorities in Agriculture and Natural Resource Management". Hanoi: IDRC, RCREE.

INDIGENOUS KNOWLEDGE OF TA OI PEOPLE IN MANAGEMENT AND DEVELOPMENT OF MAY NUOC PLANTS IN A LUOI DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Van Loi, Ho Thanh Ha, Duong Van Thanh,
Ho Dang Nguyen and Hoang Van Duong
Hue University – University of Agriculture and Forestry

Contact email: nguyenvanloi@huaf.edu.vn

ABSTRACT

A Luoi is a mountainous district located in the West of Thua Thien province, the distribution place of two water rattan (may nuoc) species {*Daemonorops poilanei* J. Dransf. and *D.jenkinsiana* (Griff) Mart.}. These two rattan species have the highest economic value and widely-used among non-timber forest products (NTFPs) in central Vietnam as well as in Asian tropics. This study aims to supplement the indigenous knowledge of Ta Oi people in management and development of water rattan plants to preserve and manage the sustainable rattan forest. The research applied PRA method in combination with the evaluation of rattan models in the field. Research results show that many Ta oi people have a lot of experiences in recognizing morphological characteristics, natural distribution, exploitation ways of rattan plants and some experiences on planting and selecting seed mother rattan in accordance with natural conditions in A Luoi district, Thua Thien Hue province.

Key words: A Luoi, indiginous knowledge, water rattan plant, Ta Oi people, management.

Received: 4th July 2018

Reviewed: 12th September 2018

Accepted: 30th September 2018